VĂN BẢN ĐẾN ĐIỆN TỬ
Số 7015 Ngày 03/06/2026

Ký bởi: UBND Tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:1130 /QĐ-UBND	*Điện Biên, ngày 03 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực bưu chính; viễn thông và internet; hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 5 năm 2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; số 2528/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 5 năm 2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; số 2540/QĐ-BKHCN ngày 22 tháng 5 năm 2026 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực bưu chính; viễn thông và

internet; hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên *(có Danh mục cụ thể kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư Pháp);
- HTTT giải quyết TTHC tỉnh (Sở KH&CN);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, PVHCC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đoạt

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG CÁC LĨNH VỰC BƯU CHÍNH; VIỄN THÔNG VÀ INTERNET; HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Quyết định số 1130 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC BƯU CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí và Lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện			
						Phi địa giới	Trực tiếp	Trực tuyến	Qua DV BCCI
1	Cấp giấy phép bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Trường hợp thẩm định cấp phép lần đầu: Phí: + Phạm vi liên tỉnh: 21.500.000 đồng + Quốc tế chiều đến: 29.500.000 đồng + Quốc tế chiều đi: 34.500.000 đồng + Quốc tế hai chiều: 39.500.000 đồng - Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ doanh nghiệp do mua bán, sáp nhập doanh nghiệp: Phí: + Phạm vi liên tỉnh: 8.500.000 đồng + Quốc tế chiều đến: 10.500.000 đồng + Quốc tế chiều đi: 11.500.000 đồng + Quốc tế hai chiều: 12.500.000 đồng	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính (Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ); - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính	X	X	Toàn trình	X

					(Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ); - Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính (Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính); - Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính (Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính); - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ ban hành Nghị quyết phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ (Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày				

					29/4/2026 của Chính phủ);				
2	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trường hợp mở rộng phạm vi cung ứng dịch vụ: Phí: + Phạm vi liên tỉnh: 5.500.000 đồng + Quốc tế chiều đến: 6.500.000 đồng + Quốc tế chiều đi: 7.500.000 đồng + Quốc tế hai chiều: 8.500.000 đồng - Trường hợp thay đổi các nội dung khác trong giấy phép: 1.500.000 đồng.	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022; - Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;	X	X	Toàn trình	X
3	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Phí: + Phạm vi liên tỉnh: 10.750.000 đồng + Quốc tế chiều đến: 14.750.000 đồng + Quốc tế chiều đi: 17.250.000 đồng + Quốc tế hai chiều: 19.750.000 đồng	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022; - Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	X	X	Toàn trình	X

4	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Phí: 1.000.000 đồng	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022; - Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	X	X	Toàn trình	X
5	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trường hợp tự cung ứng dịch vụ: Cung ứng dịch vụ thư không có địa chỉ nhận có khối lượng đơn chiếc đến 02 kg, cung ứng dịch vụ thư có khối lượng đơn chiếc trên 02 kg và cung ứng dịch vụ gói, kiện hàng hóa: Phí: + Phạm vi liên tỉnh: 2.500.000 đồng + Quốc tế chiều đến: 2.500.000 đồng + Quốc tế chiều đi: 2.500.000 đồng + Quốc tế hai chiều: 2.500.000 đồng - Trường hợp làm đại lý cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022; - Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của	X	X	Toàn trình	X

				bưu chính nước ngoài, nhận nhượng quyền thương mại trong lĩnh vực bưu chính từ nước ngoài vào Việt Nam và làm đại diện cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính nước ngoài: Phí: + Phạm vi liên tỉnh: 3.500.000 đồng + Quốc tế chiều đến: 3.500.000 đồng + Quốc tế chiều đi: 3.500.000 đồng + Quốc tế hai chiều: 3.500.000 đồng - Trường hợp làm chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt Nam; làm văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính nước ngoài: Phí: 2.000.000 đồng - Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ doanh nghiệp do mua bán, sát nhập doanh nghiệp: Phí: 2.500.000 đồng	Chính phủ.				
6	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo khi bị mất hoặc hư hỏng	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên;	Phí: 1.000.000 đồng	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022;	X	X	Toàn trình	X

	không sử dụng được (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	của pháp luật	- Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.		- Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.				
7	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Không có	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	X	X	Toàn trình	X

II. LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí và Lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện			
						Phi địa giới	Trực tiếp	Trực tuyến	Qua DV BCCI
1	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn	- Trung tâm Phục vụ Hành chính	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15; - Nghị định số	X	X	Toàn trình	X

	hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông	công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Lệ phí: Không. - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. (biểu phụ lục kèm theo)	163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/ 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông (Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/ 2024 của Chính phủ); - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ (Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ); - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.				
2	Hoàn trả mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn được	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên;	Không	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;	X	X	Toàn trình	X

	phân bổ theo phương thức đấu giá		- Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.		- Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 03/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn" (Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 03/6/2025 của Chính phủ); - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.				
3	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn	Không có	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Không	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/ 2024 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	X	X	Toàn trình	X

	thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (trừ doanh nghiệp có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng								

	kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông								
4	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của các doanh nghiệp viễn thông trừ doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Không có	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15.; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/ 2024 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	X	X	Toàn trình	X

	mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)								
5	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: 1. Phí - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông (biểu phụ lục kèm theo). 2. Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/ 2024 của Chính phủ - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ (Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ); - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên	X	X	Toàn trình	X

					quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh (Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ); - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông (Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)				
6	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt	12 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: 1. Phí - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/ 2024 của Chính phủ - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày	X	X	Toàn trình	X

	đất)			quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông (biểu phụ lục kèm theo). 2. Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.	07/4/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.				
7	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	- Phí: không có - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/ 2024 của Chính phủ - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ (Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ); - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày	X	X	Toàn trình	X

	163/2024/NĐ CP				07/4/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.				
8	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	- Phí: không có - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/ 2024 của Chính phủ - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	X	X	Toàn trình	X
9	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ	10 ngày làm việc kể từ ngày	- Trung tâm Phục vụ	- Phí: không có - Lệ phí: 500.000	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15;	X	X	Toàn trình	X

	viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	đồng/giấy phép	- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/ 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.				
10	Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia	- 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. - 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: Lệ Phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/ 2024 của Chính phủ. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	X	X	Toàn trình	X

		lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.							
11	Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia	- 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. - 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Lệ Phí: 500.000 đồng/giấy phép.	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/ 2024 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	X	X	Toàn trình	X
12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia	- 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. - 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Lệ Phí: 500.000 đồng/giấy phép.	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/ 2024 của Chính phủ. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ	X	X	Toàn trình	X

		hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.			trưởng Bộ Tài chính.				
13	Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	- 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. - 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí thiết lập mạng viễn thông dùng riêng: 100.000.000 đồng/giấy phép (nộp một lần cho toàn bộ thời hạn giấy phép, bao gồm cả thời gian gia hạn) - Lệ Phí: 1.000.000/giấy phép.	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/ 2024 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	X	X	Toàn trình	X
14	Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	- 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày	X	X	Toàn trình	X

		hợp lệ của hồ sơ. - 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.	Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí: Không - Lệ phí: 500.000/giấy phép.	24/12/ 2024 của Chính phủ. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.				
15	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	- 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. - 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí: Không - Lệ phí: 500.000/giấy phép.	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/ 2024 của Chính phủ. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	X	X	Toàn trình	X
16	Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và	22 ngày làm việc kể từ ngày	- Trung tâm Phục vụ	Thực hiện theo Thông tư số	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15;	X	X	Toàn trình	X

	dịch vụ viễn thông	kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông (nộp một lần cho toàn thời hạn giấy phép, bao gồm cả thời gian gia hạn): thu theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Mục I.3 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông (biểu phụ lục kèm theo). - Lệ phí cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông: 1.000.000 đồng/giấy phép.	- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/ 2024 của Chính phủ. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.				
17	Gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	22 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời	- Trung tâm Phục vụ Hành chính	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15; - Nghị định số	X	X	Toàn trình	X

		hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Lệ Phí: 500.000/giấy phép. - Phí: không.	163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/ 2024 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.				
18	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	22 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Lệ Phí: 500.000/giấy phép. - Phí: không.	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/ 2024 của Chính phủ. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	X	X	Toàn trình	X
19	Phân bổ mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn theo phương thức đấu giá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Theo quy định của Bộ Tài chính: 350.000 đồng/lần phân bổ (theo quy định tại Thông tư số 55/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15; - Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 03/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày	X	X	Toàn trình	X

					29/4/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông;				
20	Chuyển nhượng quyền sử dụng số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn, mã mạng di động H2H phân bổ qua phương thức đấu giá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Không có	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15; - Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 03/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	X	X	Toàn trình	X
21	Xác nhận đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 01 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không đáp ứng yêu cầu về nhãn: 06 ngày làm việc (bao gồm 05 ngày	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Không có	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15; - Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm,	X	X	Toàn trình	X

		khắc phục và 01 ngày kể từ ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ) - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 08 ngày làm việc không tính thời gian xin gia hạn (gồm 07 ngày bổ sung hồ sơ từ ngày tiếp nhận và 01 ngày kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). - Trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ			hàng hóa; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.				

III. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

STT	Tên thủ tục	Thời hạn	Địa điểm	Phí và Lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện

	hành chính	giải quyết	thực hiện			Phi địa giới	Trực tiếp	Trực tuyến	Qua DV BCCI
1	Thủ tục đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân không cư trú, không hoạt động tại Việt Nam	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Không	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	X	X	Toàn trình	X

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC BƯU CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí và Lệ phí	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi bổ sung	Cách thức thực hiện			
						Phi địa giới	Trực tiếp	Trực tuyến	Qua DV BCCI

1	Cấp giấy phép bưu chính *(nội tỉnh)*	*10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật*	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trường hợp thẩm định cấp phép lần đầu: Phí: 10.750.000 đồng. - Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ doanh nghiệp do mua bán, sáp nhập doanh nghiệp: Phí: 4.250.000 đồng.	*Nghị quyết 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.*	X	X	Toàn trình	X
2	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính *(nội tỉnh)*	*05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật*	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trường hợp mở rộng phạm vi cung ứng dịch vụ nội tỉnh: Phí: 2.750.000 đồng. - Trường hợp thay đổi các nội dung khác trong giấy phép: Phí: 750.000 đồng.	*Nghị quyết 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.*	X	X	Toàn trình	X
3	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn *(nội tỉnh)*	*05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật*	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Phí: 5.375.000 đồng	*Nghị quyết 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.*	X	X	Toàn trình	X
4	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được *(nội tỉnh)*	*03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật*	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Phí: 500.000 đồng	*Nghị quyết 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.*	X	X	Toàn trình	X

5	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính *(nội tỉnh)*	*05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật*	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trường hợp tự cung ứng dịch vụ phạm vi nội tỉnh: Phí: 1.250.000 đồng. - Trường hợp với chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt Nam: Phí: 1.000.000 đồng. - Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ doanh nghiệp do mua bán, sáp nhập doanh nghiệp: Phí: 1.250.000 đồng	*Nghị quyết 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.*	X	X	Toàn trình	X
6	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được *(nội tỉnh)*	*03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật*	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Phí: 500.000 đồng	*Nghị quyết 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.*	X	X	Toàn trình	X
7	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính *(nội tỉnh)*	*05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật*	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không có	*Nghị quyết 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.*	X	X	Toàn trình	X

II. LĨNH VỰC VIỄN THÔNG INTERNET

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí và Lệ phí	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi bổ sung	Cách thức thực hiện			
						Phi địa giới	Trực tiếp	Trực tuyến	Qua DV BCCI
1	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	*03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ*	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không có	*Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.*	X	X	Toàn trình	X
2	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị	*02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ*	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không có	*Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.*	X	X	Toàn trình	X
3	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Phí: không có - Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	*- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ.* *- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ;* *- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày*	X	X	Toàn trình	X

	sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương				*29/04/2026 của Chính phủ.*				
4	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	*10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.*	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Phí: không có - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	- *Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;* - *Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ;* - *Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ.*	X	X	Toàn trình	X
5	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng	*10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ*	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục	- Phí: không có - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy	- *Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;* - *Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày*	X	X	Toàn trình	X

	cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	*của hồ sơ.*	vụ hành chính công cấp xã.	phép	*07/4/2026 của Chính phủ;* *- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ.*				
6	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	*10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ*	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Phí: không có - Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	*- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;* *- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ.* *- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ.*	X	X	Toàn trình	X
7	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn	*10 ngày làm việc kể từ*	- Trung tâm Phục vụ Hành chính	- Phí: không có	*Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của*	X	X	Toàn trình	X

	thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	*ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ*	công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	*Chính phủ;* *- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;* *- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ.*				
8	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	*08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ*	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không có	*Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ.*	X	X	Toàn trình	X
9	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh	*16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ*	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên;	Không có	*Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ.*	X	X	Toàn trình	X

	nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.						
10	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	*10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ*	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Phí: không có - Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	*Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;* *- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ;* *- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ.*	X	X	Toàn trình	X
11	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính	- Phí: không có - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	*- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;* *- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ;*	X	X	Toàn trình	X

	(dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP		công cấp xã.		*- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ.*				
12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ CP	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Phí: không có - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	*- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;* *- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ;* *- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ.*	X	X	Toàn trình	X
13	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp	*10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ*	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Phí: không có - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	*- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;* *- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ;* *- Nghị quyết số*	X	X	Toàn trình	X

	trên mạng viễn thông cố định mặt đất)				*20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ;* *- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*				
14	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	*10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ*	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Phí: không có - Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	*- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;* *- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ;* *- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ;* *- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*	X	X	Toàn trình	X
15	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	*08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ*	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không có	*Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ .*	X	X	Toàn trình	X

16	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	*16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ*	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không có	*Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ.*	X	X	Toàn trình	X
17	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá.	*03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ*	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không có	*Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ.*	X	X	Toàn trình	X
18	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá	*03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ*	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không có	*Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ.*	X	X	Toàn trình	X

III. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí và Lệ phí	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi bổ sung	Cách thức thực hiện			
						Phi địa giới	Trực tiếp	Trực tuyến	Qua DV BCCI
1	Thủ tục đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	*12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ*	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Điện Biên; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không	*Nghị quyết 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.*	X	X	Toàn trình	X

***Ghi chú:** Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.*

PHỤ LỤC

BIỂU MỨC THU PHÍ QUYỀN HOẠT ĐỘNG VIỄN THÔNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

1. Phí cung cấp dịch vụ viễn thông

(Theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông, Thông tư số 52/2025/TT-BTC, hiện nay đã được sửa đổi, bổ sung tại điều 4, Thông tư 56/2026/TT-BTC ngày 15/5/2025 của Bộ Tài chính).

Hằng năm, doanh nghiệp có phát sinh doanh thu dịch vụ viễn thông thuộc loại nào có trách nhiệm nộp phí cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy mô doanh thu dịch vụ viễn thông loại đó của năm trước liền kề theo mức thu phí như sau:

Số TT	Mức doanh thu	Mức thu (năm)
1	Dưới 20 tỷ đồng	50 triệu đồng
2	Từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng	250 triệu đồng

3	Từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng	400 triệu đồng
4	Từ 100 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng	700 triệu đồng
5	Từ 500 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng	01 tỷ đồng
6	Từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 2.000 tỷ đồng	02 tỷ đồng
7	Từ 2.000 tỷ đồng đến dưới 3.000 tỷ đồng	03 tỷ đồng
8	Từ 3.000 tỷ đồng đến dưới 4.000 tỷ đồng	04 tỷ đồng
9	Từ 4.000 tỷ đồng đến dưới 5.000 tỷ đồng	05 tỷ đồng
10	Từ 5.000 tỷ đồng đến dưới 6.000 tỷ đồng	06 tỷ đồng
11	Từ 6.000 tỷ đồng đến dưới 7.000 tỷ đồng	07 tỷ đồng
12	Từ 7.000 tỷ đồng đến dưới 8.000 tỷ đồng	08 tỷ đồng
13	Từ 8.000 tỷ đồng đến dưới 9.000 tỷ đồng	09 tỷ đồng
14	Từ 9.000 tỷ đồng đến dưới 10.000 tỷ đồng	10 tỷ đồng
15	Từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 12.000 tỷ đồng	28 tỷ đồng
16	Từ 12.000 tỷ đồng đến dưới 14.000 tỷ đồng	46 tỷ đồng
17	Từ 14.000 tỷ đồng đến dưới 16.000 tỷ đồng	64 tỷ đồng
18	Từ 16.000 tỷ đồng đến dưới 18.000 tỷ đồng	82 tỷ đồng
19	Từ 18.000 tỷ đồng đến dưới 20.000 tỷ đồng	100 tỷ đồng

20	Từ 20.000 tỷ đồng đến dưới 25.000 tỷ đồng	125 tỷ đồng
21	Từ 25.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng	150 tỷ đồng
22	Từ 30.000 tỷ đồng đến dưới 35.000 tỷ đồng	175 tỷ đồng
23	Từ 35.000 tỷ đồng đến dưới 40.000 tỷ đồng	200 tỷ đồng
24	Từ 40.000 tỷ đồng đến dưới 45.000 tỷ đồng	225 tỷ đồng
25	Từ 45.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng	250 tỷ đồng
26	Từ 50.000 tỷ đồng trở lên	300 tỷ đồng

Doanh thu dịch vụ viễn thông được phân chia theo 04 loại tương ứng với 04 loại mạng viễn thông công cộng, bao gồm:
- Doanh thu dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông cố định mặt đất;
- Doanh thu dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông cố định vệ tinh;
- Doanh thu dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông di động mặt đất;
- Doanh thu dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông di động vệ tinh.

2. Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng (nộp hàng năm)

(Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông, Thông tư số 52/2025/TT-BTC)

Số TT	**Hoạt động viễn thông**	**Mức thu** (triệu đồng)
1	Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện	
1.1	Phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	100
1.2	Phạm vi khu vực	300

1.3	Phạm vi toàn quốc	600
2	Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện	
2.1	Phạm vi khu vực	800
2.2	Phạm vi toàn quốc	2.000
3	Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất có sử dụng kênh tần số vô tuyến điện	200
4	Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (MVNO)	2.000
5	Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện	5.000
6	Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh	100
7	Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động vệ tinh	100

3. Phí thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông (nộp một lần cho toàn bộ thời hạn giấy phép, bao gồm cả thời gian gia hạn)

(Theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Mục I.3 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông, Thông tư số 52/2025/TT-BTC)

Số TT	**Hoạt động viễn thông**	**Mức thu** (triệu đồng)
1	Thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông có sử dụng băng tần số vô tuyến điện	
1.1	Phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	300

1.2	Phạm vi khu vực	400
1.3	Phạm vi toàn quốc	500
2	Thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông không sử dụng băng tần số vô tuyến điện	
2.1	Phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	200
2.2	Phạm vi khu vực	300
2.3	Phạm vi toàn quốc	400